

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 34/2024/QĐST-HNGĐ
V/v yêu cầu hủy việc kết hôn
trái pháp luật và công nhận
quan hệ hôn nhân.

Hoài Nhơn, ngày 28 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Hồng Hoàng.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tham gia phiên họp:
Bà Nguyễn Trường Minh Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 23/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 181/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

Ông Nguyễn S, sinh năm 1967

Bà Phan Thị Ngọc L, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Không có.

- **Những người tham gia tố tụng khác:** Không có.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai, ông Nguyễn S, bà Phan Thị Ngọc L trình bày: Vợ chồng ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) Tam Quan, huyện (nay là thị xã) Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định vào ngày 14/9/1983 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 355 ngày 14/9/1983. Tại Giấy chứng nhận kết hôn ghi tên chồng là Nguyễn S sinh ngày 20/10/1963, tên vợ là Phan Thị L sinh ngày 05/7/1965. Thời điểm đăng ký kết hôn bà L chưa đủ 18 tuổi và ông S chưa đủ 20 tuổi là chưa đủ

tuổi kết hôn. Cán bộ Tư pháp không kiểm tra kỹ và cho đăng ký kết hôn, ghi tên bà **L** từ **Phan Thị Ngọc L** sinh ngày 01/01/1968 thành **Phan Thị L** sinh ngày 05/7/1965, ghi tên ông **S** từ **Nguyễn S** sinh ngày 10/10/1967 thành sinh ngày 20/10/1963. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận kết hôn thì vợ chồng ông **S** bà **L** cũng không kiểm tra mà cất cho đến nay. Để thực hiện đúng quy định của pháp luật về tuổi đăng ký kết hôn và các giấy tờ có liên quan đến nhân thân. Nay ông **S**, bà **L** yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật của ông bà. Đồng thời, yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của ông bà kể từ thời điểm ông, bà đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong thời gian chuẩn bị xét đơn yêu cầu và tại phiên họp; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết việc dân sự, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu ông **S** bà **L** về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật, công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông **S** và bà **L** kể từ ngày 10/10/1987. Về lệ phí sơ thẩm: Ông **S**, bà **L** phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Vợ chồng ông **Nguyễn S** bà **Phan Thị Ngọc L**, cùng trú tại: **Khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định** yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và cùng yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân từ thời điểm đủ tuổi kết hôn. Giấy chứng nhận kết hôn của ông **S** bà **L** do Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) Tam Quan, huyện (nay là thị xã) Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định cấp ngày 14/9/1983. Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định và quan hệ pháp luật được xác định là Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân.

[2] Người yêu cầu giải quyết việc dân sự đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt ông **S**, bà **L**.

[3] Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Theo bản sao Sổ đăng ký kết hôn, trang ghi việc đăng ký kết hôn của bà **Phan Thị L** sinh năm 1965 và ông **Nguyễn S** sinh năm 1963 của **Ủy ban nhân dân phường T** cung cấp, thì ông **S** bà **L** có đăng ký kết hôn, số đăng ký kết hôn 355 ngày 14/9/1983. Việc kết hôn của ông **S** bà **L** là tự nguyện, đăng ký tại đúng cơ quan có thẩm quyền. Theo thông tin của **Công an thị xã H** cung cấp tại Công văn số 1624/CATX-QLHC ngày 14/6/2024 thì: Căn cứ tàng thư hồ sơ cư trú số 21655-000706 do bà **Văn Thị Lữ s** năm 1920 làm chủ hộ lưu tại tàng thư hồ sơ cư trú **Công an thị xã H** tại thời

điểm năm 1976, hộ gia đình bà **Lữ kê k** thông tin của ông **S** trong bản khai danh sách nhân khẩu là **Nguyễn S** sinh ngày tháng năm 1967. Căn cứ tàng thư hồ sơ cư trú số 21655-000056 do bà **Huỳnh Thị Bích s1** ngày 16/9/1940 làm chủ hộ lưu tại tàng thư hồ sơ cư trú **Công an thị xã H** tại thời điểm năm 1976, hộ gia đình bà **B** kê khai thông tin của bà **L** trong bản khai danh sách nhân khẩu là **Phan Thị Ngọc L** sinh ngày 25/7/1968. Theo Giấy chứng minh nhân dân của ông **S** ghi ngày sinh 10/10/1967, của bà **L** ghi **Phan Thị Ngọc L** ngày sinh 1968. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 14/9/1983, ông **S** bà **L** đã kê khai không chính xác ngày tháng năm sinh, cũng như họ tên của bà **L** và ông **S** bà **L** chưa đủ tuổi kết hôn theo qui định tại Điều 6 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959. Do đó, việc kết hôn giữa ông **S** và bà **L** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 355 đăng ký ngày 14/9/1983 tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) Tam Quan, huyện (nay là thị xã) Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định là trái pháp luật. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của ông **S**, bà **L**.

[4] Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông **S** bà **L** tự nguyện đi đến hôn nhân, từ khi đăng ký kết hôn ngày 14/9/1983 đến nay ông bà chung sống hòa thuận, hạnh phúc, có với nhau 03 người con. Căn cứ căn cước công dân thì ông **S** sinh ngày 10/10/1967, bà **L** sinh ngày 01/01/1968 và đến ngày 10/10/1987 ông **S** đủ tuổi kết hôn, đến ngày 01/01/1986 bà **L** đủ tuổi kết hôn. Ông **S** bà **L** cùng có yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ khi ông bà đủ tuổi kết hôn nên theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông **Nguyễn S** sinh ngày 10/10/1967 và bà **Phan Thị Ngọc L** sinh ngày 01/01/1968 kể từ ngày 10/10/1987.

[5] Về lệ phí sơ thẩm việc dân sự: Ông **S** bà **L** phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tại phiên họp về việc giải quyết việc dân sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; các điều 149, 367, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; các điều 8, 11, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của ông **Nguyễn S**, bà **Phan Thị Ngọc L**. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông **Nguyễn S** và bà **Phan Thị Ngọc L** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 355, đăng ký ngày 14/9/1983 tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) Tam Quan, huyện (nay là thị xã) Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn S sinh ngày 10/10/1967 và bà Phan Thị Ngọc L sinh ngày 01/01/1968 kể từ ngày 10/10/1987.

- Về lệ phí: Ông Nguyễn S và bà Phan Thị Ngọc L phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ông S bà L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006462 ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định nên được khấu trừ, ông S bà L đã nộp xong.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Trường hợp họ không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn đó được tính từ ngày họ nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Người yêu cầu;
- Ủy ban nhân dân phường Tam Quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Hồng Hoàng